

Số: 372 /KH-UBND

Tuyên Quang, ngày 30 tháng 9 năm 2026

KẾ HOẠCH

Thực hiện Chương trình hành động số 72-CTr/TU ngày 28/8/2026 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Tuyên Quang thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 28/7/2026 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIV về xây dựng và phát triển Việt Nam trở thành quốc gia biển mạnh

Thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 28/7/2026 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIV về xây dựng và phát triển Việt Nam trở thành quốc gia biển mạnh (sau đây viết tắt là Nghị quyết số 20-NQ/TW); Chương trình hành động số 34-CTr/TW ngày 28/7/2026 của Bộ Chính trị thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW (sau đây viết tắt là Chương trình hành động số 34-CTr/TW);

Căn cứ Chương trình hành động số 72-CTr/TU ngày 28/8/2026 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Tuyên Quang thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 28/7/2026 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIV về xây dựng và phát triển Việt Nam trở thành quốc gia biển mạnh;

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình hành động số 72-CTr/TU ngày 28/8/2026 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Tuyên Quang thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 28/7/2026 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIV về xây dựng và phát triển Việt Nam trở thành quốc gia biển mạnh (sau đây viết tắt là Chương trình hành động số 72-CTr/TU), cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Quán triệt, triển khai có hiệu quả nội dung Nghị quyết số 20-NQ/TW; Chương trình hành động số 34-CTr/TW; Chương trình hành động số 72-CTr/TU.

Cụ thể hóa đầy đủ các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của Nghị quyết số 20-NQ/TW; Chương trình hành động số 34-CTr/TW; Chương trình hành động số 72-CTr/TU phù hợp với điều kiện thực tiễn của tỉnh; bảo đảm thống nhất với các chương trình, đề án, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh.

Phát huy lợi thế của tỉnh về tài nguyên rừng, tài nguyên nước, đa dạng sinh học, nông nghiệp sinh thái, kinh tế lâm nghiệp, góp phần bảo vệ môi trường, bảo đảm an ninh nguồn nước, giảm phát thải khí nhà kính, phát triển kinh tế xanh, kinh

tế tuần hoàn và tăng cường liên kết vùng, qua đó đóng góp tích cực vào phát triển bền vững kinh tế biển của quốc gia.

2. Yêu cầu

Triển khai đồng bộ các nhiệm vụ, giải pháp của Kế hoạch thực hiện Chương trình hành động số 72-CTr/TU là nhiệm vụ chiến lược của toàn thể cán bộ, công chức, viên chức và người lao động; là quyền lợi, trách nhiệm và nghĩa vụ của mọi tổ chức, doanh nghiệp và người dân; bảo đảm đặt dưới sự lãnh đạo, quản lý điều hành thống nhất của nhà nước và sự tham gia tích cực, có trách nhiệm của các chủ thể trong xã hội; lấy sự hài lòng, tín nhiệm của người dân, doanh nghiệp và hiệu quả công việc làm tiêu chí đánh giá. Trong đó mỗi địa phương có trách nhiệm phát huy lợi thế, tiềm năng, điều kiện thực tiễn để đóng góp vào mục tiêu chung của đất nước và đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội bền vững của tỉnh trong giai đoạn tới.

Việc triển khai thực hiện phải bảo đảm đồng bộ, toàn diện, có trọng tâm, trọng điểm; xác định rõ nhiệm vụ, giải pháp, lộ trình thực hiện, cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp và trách nhiệm của từng cấp, từng ngành trong triển khai thực hiện các nội dung của kế hoạch.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

Nâng cao nhận thức, trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức và người lao động về xây dựng và phát triển Việt Nam trở thành quốc gia biển mạnh; phát huy trách nhiệm của tỉnh Tuyên Quang trong bảo vệ môi trường, bảo vệ tài nguyên nước, bảo vệ rừng đầu nguồn, phát triển kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, chuyển đổi số và đổi mới sáng tạo, góp phần xây dựng nền kinh tế biển hiện đại, bền vững, bảo đảm quốc phòng, an ninh, chủ quyền quốc gia.

Đẩy mạnh phát triển nông nghiệp sinh thái, nông thôn hiện đại, kinh tế lâm nghiệp bền vững; nâng cao hiệu quả quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu; xây dựng đồng bộ cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường, cơ sở dữ liệu đất đai; tăng cường liên kết vùng, thúc đẩy phát triển logistics, chế biến nông, lâm sản và các ngành kinh tế có lợi thế của tỉnh, đóng góp tích cực vào mục tiêu phát triển đất nước trở thành quốc gia biển mạnh.

2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2030

2.1. Về nhận thức: 100% cơ quan, đơn vị, địa phương xây dựng chương trình, kế hoạch thực hiện Nghị quyết; đưa nội dung về xây dựng và phát triển Việt Nam trở thành quốc gia biển mạnh, bảo vệ chủ quyền biển, đảo vào công tác tuyên truyền, giáo dục chính trị tư tưởng và phổ biến pháp luật.

2.2. Về phát triển kinh tế xanh: Đẩy mạnh phát triển nông nghiệp xanh, nông nghiệp hữu cơ, kinh tế tuần hoàn; phát triển vùng nguyên liệu tập trung, nâng cao giá trị gia tăng của các sản phẩm nông, lâm nghiệp; thúc đẩy giảm phát thải khí nhà kính và phát triển thị trường các-bon theo lộ trình của Trung ương.

2.3. Về tài nguyên và môi trường: Nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên đất, nước, khoáng sản và môi trường; bảo vệ nghiêm ngặt rừng tự nhiên, đa dạng sinh học, các khu bảo tồn thiên nhiên; bảo đảm an ninh nguồn nước; tăng cường bảo vệ các lưu vực sông trọng điểm gồm: Sông Lô, sông Gâm, sông Chảy, sông Nho Quế, sông Miện, sông Con và sông Phó Đáy; bảo vệ các hồ chứa thủy điện, thủy lợi lớn trên địa bàn tỉnh.

2.4. Về chuyển đổi số: Hoàn thiện cơ sở dữ liệu đất đai, tài nguyên nước, môi trường và các cơ sở dữ liệu chuyên ngành; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số, trí tuệ nhân tạo, viễn thám, GIS trong quản lý tài nguyên, môi trường, phòng, chống thiên tai và phát triển nông nghiệp. Hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới công nghệ, nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm; phát triển tài sản trí tuệ, tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng và truy xuất nguồn gốc nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh của sản phẩm chủ lực của tỉnh tham gia chuỗi giá trị quốc gia.

2.5. Về liên kết vùng: Tăng cường liên kết với các địa phương trong vùng Trung du và miền núi phía Bắc, vùng Đồng bằng sông Hồng và các tỉnh ven biển trong phát triển chuỗi giá trị nông, lâm sản, logistics, chuyên giao khoa học công nghệ, đào tạo nguồn nhân lực và bảo vệ môi trường.

2.6. Về quốc phòng, an ninh: Gắn phát triển kinh tế - xã hội với củng cố quốc phòng, an ninh; nâng cao năng lực phòng, chống thiên tai, ứng phó biến đổi khí hậu; tăng cường bảo vệ tài nguyên, môi trường, góp phần giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội và thực hiện thắng lợi nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới.

3. Tầm nhìn đến năm 2045

Phấn đấu xây dựng tỉnh Tuyên Quang trở thành địa phương phát triển theo hướng xanh, sinh thái, thông minh và bền vững; quản lý hiệu quả tài nguyên đất, nước, rừng và môi trường trên nền tảng số; phát huy vai trò là vùng sinh thủy quan trọng của quốc gia, góp phần bảo vệ môi trường, hệ sinh thái và an ninh nguồn nước cho các lưu vực sông lớn.

Xây dựng ngành nông nghiệp và môi trường hiện đại, ứng dụng mạnh mẽ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; phát triển kinh tế tuần hoàn, kinh tế các-bon thấp; nâng cao giá trị tài nguyên rừng, đa dạng sinh học và dịch vụ hệ sinh thái; tăng cường liên kết vùng, tham gia sâu vào chuỗi giá trị quốc gia và quốc tế, đóng góp tích cực vào mục tiêu xây dựng Việt Nam trở thành quốc gia biển mạnh, phát triển nhanh và bền vững.

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Nâng cao nhận thức, trách nhiệm về xây dựng và phát triển Việt Nam trở thành quốc gia biển mạnh

Tiếp tục tuyên truyền Nghị quyết số 20-NQ/TW, Chương trình hành động số 34-CTr/TW, Chương trình hành động số 72-CTr/TU và các chủ trương của Đảng

về chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam; nâng cao nhận thức của cán bộ, đảng viên, doanh nghiệp và Nhân dân về vị trí, vai trò của biển, đảo đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; xác định rõ trách nhiệm của tỉnh miền núi trong việc tham gia thực hiện mục tiêu xây dựng Việt Nam trở thành quốc gia biển mạnh.

Đổi mới nội dung, phương thức tuyên truyền; lồng ghép giáo dục về chủ quyền biển, đảo, phát triển kinh tế biển, bảo vệ môi trường biển, tài nguyên nước, biến đổi khí hậu trong hệ thống giáo dục, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ.

Đưa các mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình hành động vào chương trình công tác hằng năm của các cơ quan, đơn vị, địa phương; tăng cường kiểm tra, giám sát việc tổ chức thực hiện; lấy kết quả thực hiện làm một trong những tiêu chí đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của các cơ quan, đơn vị.

2. Hoàn thiện cơ chế, chính sách; nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về tài nguyên, môi trường và phát triển bền vững

Tiếp tục rà soát, hoàn thiện cơ chế, chính sách thuộc thẩm quyền của tỉnh nhằm quản lý, khai thác, sử dụng hiệu quả tài nguyên đất, nước, khoáng sản, rừng và đa dạng sinh học; bảo đảm hài hòa giữa phát triển kinh tế với bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu.

Đẩy mạnh cải cách hành chính, chuyển đổi số trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường; nâng cao chất lượng quy hoạch, quản lý quy hoạch, quản lý đất đai, tài nguyên nước, bảo vệ môi trường; hoàn thiện cơ sở dữ liệu đất đai, tài nguyên và môi trường; tăng cường chia sẻ, kết nối dữ liệu với cơ sở dữ liệu quốc gia.

Nâng cao năng lực dự báo, giám sát, cảnh báo thiên tai và quản lý tài nguyên nước; tăng cường bảo vệ các lưu vực sông trọng điểm gồm: sông Lô, sông Gâm, sông Chảy, sông Nho Quế, sông Miện, sông Con và sông Phó Đáy; bảo vệ các hồ chứa thủy điện, thủy lợi lớn trên địa bàn tỉnh; chủ động phòng ngừa, ứng phó với thiên tai, hạn hán, lũ quét, sạt lở đất và các tác động của biến đổi khí hậu.

3. Phát triển kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn; nâng cao chất lượng tăng trưởng, đóng góp vào chuỗi giá trị phục vụ phát triển kinh tế biển quốc gia

Đẩy mạnh cơ cấu lại ngành nông nghiệp theo hướng hiện đại, sinh thái, hiệu quả và bền vững; phát triển các vùng sản xuất tập trung, vùng nguyên liệu quy mô lớn; nâng cao giá trị gia tăng của các sản phẩm nông, lâm nghiệp chủ lực.

Phát triển mạnh kinh tế lâm nghiệp; quản lý, bảo vệ và phát triển rừng bền vững; mở rộng diện tích rừng được cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững; phát triển thị trường tín chỉ các-bon, dịch vụ môi trường rừng; góp phần hấp thụ khí nhà kính, bảo vệ nguồn sinh thủy và giảm phát thải.

Khuyến khích phát triển kinh tế tuần hoàn, sử dụng hiệu quả tài nguyên, tái chế chất thải, phát triển năng lượng sinh khối, năng lượng tái tạo phù hợp điều kiện của tỉnh; thúc đẩy doanh nghiệp đổi mới công nghệ, nâng cao năng suất, chất lượng và năng lực cạnh tranh.

Tăng cường liên kết với các tỉnh trong vùng và các địa phương ven biển trong phát triển logistics, chế biến sâu nông, lâm sản, cung ứng nguyên liệu, thương mại, xuất khẩu và tham gia chuỗi giá trị quốc gia.

4. Đẩy mạnh khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

Ưu tiên ứng dụng khoa học, công nghệ, trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn, Internet vạn vật, viễn thám, GIS trong quản lý tài nguyên, môi trường, đất đai, lâm nghiệp, tài nguyên nước, phòng, chống thiên tai và phát triển nông nghiệp thông minh.

Đẩy nhanh xây dựng và hoàn thiện cơ sở dữ liệu đất đai, môi trường, tài nguyên nước, lâm nghiệp và các cơ sở dữ liệu chuyên ngành thuộc phạm vi quản lý; đồng thời hoàn thiện cơ sở dữ liệu địa chất, khoáng sản theo phân công quản lý nhà nước, bảo đảm kết nối, chia sẻ đồng bộ với các cơ sở dữ liệu quốc gia.

Khuyến khích doanh nghiệp, hợp tác xã đổi mới công nghệ, ứng dụng chuyển đổi số trong sản xuất, chế biến, truy xuất nguồn gốc, thương mại điện tử và phát triển kinh tế số nông nghiệp.

5. Bảo vệ tài nguyên, môi trường; bảo tồn đa dạng sinh học; bảo đảm an ninh nguồn nước

Quản lý chặt chẽ, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả tài nguyên đất, nước, khoáng sản; kiểm soát ô nhiễm môi trường; nâng cao chất lượng công tác bảo vệ môi trường trong sản xuất, kinh doanh và đời sống.

Bảo vệ nghiêm ngặt rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, các khu bảo tồn thiên nhiên; bảo tồn hệ sinh thái, nguồn gen quý hiếm; phục hồi các hệ sinh thái bị suy thoái; nâng cao khả năng hấp thụ các-bon của hệ sinh thái rừng.

Triển khai đồng bộ các giải pháp bảo đảm an ninh nguồn nước; bảo vệ lưu vực sông Lô, sông Gâm, sông Phó Đáy, các hồ chứa lớn; tăng cường kiểm soát nguồn thải, phòng ngừa ô nhiễm xuyên lưu vực; thực hiện hiệu quả các chương trình phục hồi môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu.

6. Phát triển kết cấu hạ tầng, liên kết vùng và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực

Đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng phục vụ sản xuất, chế biến, logistics, chuyển đổi số, phòng, chống thiên tai và bảo vệ môi trường; Thúc đẩy phát triển mô hình vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt sử dụng năng lượng sạch. Ưu tiên các công trình có tính kết nối vùng, tạo động lực phát triển kinh tế.

Tăng cường liên kết với các địa phương trong vùng Trung du và miền núi phía Bắc, vùng Đồng bằng sông Hồng và các tỉnh ven biển trong phát triển chuỗi cung ứng, chế biến, tiêu thụ nông, lâm sản, đào tạo nguồn nhân lực và chuyển giao công nghệ.

Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực trong các lĩnh vực nông nghiệp, tài nguyên và môi trường, chuyển đổi số, khoa học công nghệ, quản lý tài nguyên nước, ứng phó biến đổi khí hậu và bảo vệ môi trường.

7. Gắn phát triển kinh tế - xã hội với củng cố quốc phòng, an ninh, đối ngoại

Kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế với bảo đảm quốc phòng, an ninh; nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về tài nguyên, môi trường, bảo vệ rừng, an ninh nguồn nước, phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn.

Tăng cường hợp tác với các bộ, ngành Trung ương, các viện nghiên cứu, trường đại học, các tổ chức quốc tế và các địa phương trong nước về nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, đào tạo nguồn nhân lực và bảo vệ môi trường.

Phát huy vai trò của tỉnh trong các chương trình liên kết vùng, hợp tác phát triển kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, thích ứng với biến đổi khí hậu và đóng góp vào mục tiêu phát triển bền vững kinh tế biển quốc gia.

8. Phát huy sức mạnh của cả hệ thống chính trị và Nhân dân

Phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, cộng đồng doanh nghiệp và Nhân dân trong bảo vệ tài nguyên, môi trường, bảo vệ rừng, bảo vệ nguồn nước và ứng phó với biến đổi khí hậu.

Khuyến khích các phong trào thi đua, sáng kiến, mô hình phát triển kinh tế xanh, sản xuất sạch hơn, tiêu dùng bền vững, bảo vệ môi trường và phát triển cộng đồng; xây dựng văn hóa ứng xử thân thiện với môi trường, nâng cao trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp và người dân.

Tăng cường giám sát của cộng đồng; kịp thời biểu dương, nhân rộng các mô hình tốt, cách làm hay; xử lý nghiêm các hành vi vi phạm pháp luật về tài nguyên, môi trường và bảo vệ rừng.

Khuyến khích doanh nghiệp thực hiện trách nhiệm xã hội trong bảo vệ môi trường và sử dụng tài nguyên bền vững

9. Các nhiệm vụ và giải pháp khác: Tăng cường kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện Kế hoạch; định kỳ sơ kết, tổng kết, kịp thời đề xuất điều chỉnh giải pháp phù hợp.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Kinh phí thực hiện được bố trí từ ngân sách nhà nước trong dự toán hằng năm của các sở, ban, ngành, cơ quan, các xã, phường theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường: Chịu trách nhiệm toàn diện trước Ủy ban nhân dân tỉnh về việc tổ chức triển khai Kế hoạch; bổ sung, cập nhật vào chương trình công tác của cơ quan, địa phương. Cụ thể hóa thành các nhiệm vụ chi tiết theo nguyên tắc "8 rõ" (*rõ mục tiêu, nhiệm vụ, thẩm quyền, nguồn lực, trách nhiệm, thời hạn, sản phẩm, kết quả*). Chỉ đạo lồng ghép các mục tiêu, nhiệm vụ về xây dựng và phát triển Việt Nam trở thành quốc gia biển mạnh với các chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế trên địa bàn bảo đảm thống nhất trong chỉ đạo, điều hành, huy động, sử dụng nguồn lực, tổ chức thực hiện và

chế độ thông tin, báo cáo; đồng thời tránh trùng lặp, chồng chéo nhiệm vụ giữa các chương trình, kế hoạch. Thường xuyên kiểm tra, giám sát, định kỳ xem xét, đánh giá kết quả thực hiện, chỉ đạo giải quyết hoặc đề xuất cấp có thẩm quyền giải quyết những khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện.

2. Sở Nông nghiệp và Môi trường

Là cơ quan thường trực, có trách nhiệm tham mưu UBND tỉnh trong việc theo dõi, đôn đốc, tổng hợp và báo cáo kết quả thực hiện Kế hoạch theo quy định.

Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan và UBND các xã, phường hướng dẫn, tổ chức triển khai các nhiệm vụ thuộc lĩnh vực nông nghiệp, đất đai, tài nguyên nước, môi trường, lâm nghiệp, phòng, chống thiên tai và các nhiệm vụ khác thuộc phạm vi quản lý; phối hợp với Sở Công Thương đối với các nội dung liên quan đến địa chất, khoáng sản.

3. Sở Tài chính

Căn cứ vào các văn bản hướng dẫn của Trung ương, khả năng cân đối của ngân sách địa phương và nguồn kinh phí ngân sách Trung ương hỗ trợ (nếu có) tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí kinh phí thực hiện các nhiệm vụ được giao trên cơ sở đề nghị của các Sở, ngành, đơn vị có liên quan và UBND các xã, phường theo quy định của pháp luật và phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành.

4. Sở Giáo dục và Đào tạo

Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường và các cơ quan, đơn vị liên quan triển khai, lồng ghép, đưa nội dung giáo dục về biển, đảo, chủ quyền quốc gia, phát triển bền vững kinh tế biển vào các môn học và hoạt động giáo dục phù hợp với từng cấp học; tăng cường tổ chức các hoạt động truyền thông dưới nhiều hình thức như: hội thi, sinh hoạt ngoại khóa, hoạt động câu lạc bộ... nhằm trang bị kiến thức, kỹ năng cần thiết cho học sinh; Phối hợp tổ chức tập huấn, bồi dưỡng nâng cao năng lực cho đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý, cán bộ đoàn, đội về kiến thức và kỹ năng truyền thông, tư vấn về biển, đảo, chủ quyền quốc gia, phát triển bền vững kinh tế biển; đồng thời tăng cường phối hợp giữa nhà trường, gia đình và xã hội trong triển khai thực hiện nhiệm vụ.

5. Sở Khoa học và Công nghệ

Phối hợp và hỗ trợ Sở Nông nghiệp và Môi trường: Hoàn thiện hệ thống quan trắc môi trường; hoàn thiện cơ sở dữ liệu ngành nông nghiệp và môi trường; Ứng dụng GIS, AI, viễn thám trong quản lý tài nguyên, phát triển hạ tầng số và các nội dung khác liên quan đến lĩnh vực ngành quản lý..

6. Sở Công Thương

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về địa chất, khoáng sản theo quy định; tổ chức quản lý, khai thác, sử dụng khoáng sản hợp lý, hiệu quả, gắn với bảo vệ môi trường và phát triển bền vững; chủ trì phát triển năng lượng sinh khối, hạ tầng logistics và các nội dung

khác thuộc lĩnh vực ngành quản lý. Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường trong chia sẻ, kết nối dữ liệu, bảo vệ môi trường và quản lý tài nguyên có liên quan.

7. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

Tham mưu và tổ chức các Chương trình, Đề án, Dự án về lĩnh vực biển, đảo, lồng ghép nội dung tuyên truyền nội dung về biển, đảo, chủ quyền quốc gia, phát triển bền vững kinh tế biển vào phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”.

Tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao gắn với tuyên truyền chính sách biển đảo, chủ quyền quốc gia.

8. Báo và phát thanh, truyền hình Tuyên Quang

Tăng cường thời lượng tuyên truyền các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về xây dựng và phát triển Việt Nam trở thành Quốc gia biển mạnh trên các loại hình báo chí, giúp nâng cao nhận thức của người dân về các nội dung biển đảo và chủ quyền biên giới.

Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường xây dựng chuyên mục, tin, bài, phóng sự về Chương trình xây dựng và phát triển Việt Nam trở thành Quốc gia biển mạnh trên các ấn phẩm báo, phát thanh, truyền hình (nếu có). Sản xuất và tăng thời lượng phát sóng các chương trình bằng tiếng dân tộc để truyền tải thông điệp đến bà con vùng sâu, vùng xa.

9. Đối với các Sở, ban, ngành liên quan:

Trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ có trách nhiệm phổ biến tuyên truyền quán triệt sâu sắc Nghị quyết số 20-NQ/TW, Chương trình hành động số 34-CTr/TW; tới toàn thể cán bộ, công chức, viên chức, người lao động, hoàn thành chỉ tiêu, nhiệm vụ theo danh mục nhiệm vụ trọng tâm thực hiện Chương trình hành động số 72-CTr/TU ngày 28/8/2026 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Tuyên Quang đảm bảo hiệu quả, phát huy tiềm năng, phù hợp với điều kiện thực tiễn của từng cơ quan, đơn vị.

Phối hợp, cung cấp thông tin liên quan đến lĩnh vực ngành khi có yêu cầu, đồng thời thực hiện các nội dung khác liên quan đến lĩnh vực ngành quản lý.

10. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh

Chỉ đạo, hướng dẫn các tổ chức thành viên, các tổ chức chính trị - xã hội trực thuộc phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên và Nhân dân thực hiện chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về biển, đảo, chủ quyền biên giới; tích cực tham gia thực hiện mục tiêu xây dựng và phát triển Việt Nam trở thành quốc gia biển mạnh.

Lồng ghép nội dung tuyên truyền về mục tiêu xây dựng và phát triển Việt Nam trở thành quốc gia biển mạnh vào các phong trào, cuộc vận động do Mặt trận và các tổ chức thành viên phát động.

Phát huy vai trò giám sát, phản biện xã hội theo quy định; tham gia góp ý xây dựng, hoàn thiện và tổ chức thực hiện các cơ chế, chính sách về biển đảo; kịp thời phản ánh kiến nghị của Nhân dân với cơ quan có thẩm quyền.

Phối hợp tổ chức các hoạt động biểu dương, nhân rộng các mô hình, điển hình tiên tiến trong thực hiện mục tiêu xây dựng và phát triển Việt Nam trở thành quốc gia biển mạnh, góp phần tạo sự lan tỏa trong cộng đồng.

11. Ủy ban nhân dân xã, phường

Căn cứ Kế hoạch này xây dựng kế hoạch và triển khai tổ chức thực hiện phù hợp với tình hình thực tế của địa phương. Bố trí kinh phí và huy động nguồn lực để thực hiện kế hoạch; tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo triển khai; phát huy vai trò, nâng cao chất lượng hoạt động của địa phương trong thực hiện nhiệm vụ xây dựng và phát triển Việt Nam trở thành quốc gia biển mạnh.

Chỉ đạo bộ phận chuyên môn tham mưu và phối hợp với các ban, ngành, đoàn thể thực hiện Kế hoạch trên địa bàn; tổ chức các hoạt động truyền thông, tư vấn, cung cấp dịch vụ, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan triển khai các nhiệm vụ được giao; thực hiện chế độ thông tin, báo cáo theo quy định.

Trên đây là Kế hoạch thực hiện Chương trình hành động số 72-CTr/TU. Yêu cầu các sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị và Ủy ban nhân dân xã, phường căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao nghiêm túc triển khai thực hiện Kế hoạch. Trong quá trình triển khai, thực hiện nếu phát sinh khó khăn, vướng mắc, đề nghị các cơ quan, đơn vị, địa phương báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nông nghiệp và Môi trường tổng hợp) để kịp thời chỉ đạo, giải quyết./.

Nơi nhận:

- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đảng ủy UBND tỉnh;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- UBNDTTQVN tỉnh TQ;
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành trên địa bàn tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- UBND các xã, phường;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, KTN (Toàn).

(báo cáo)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Hoàng Gia Long

PHỤ LỤC: DANH MỤC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG

(Kèm theo Kế hoạch số 372 /KH-UBND ngày 30 tháng 9 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

STT	Nội dung nhiệm vụ	Cơ quan, đơn vị chủ trì	Cơ quan, đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện/hoàn thành	Kết quả/sản phẩm	Nguồn lực
I	Nhiệm vụ về tuyên truyền, nâng cao nhận thức					
1	Tổ chức quán triệt, học tập Nghị quyết số 20-NQ/TW và Chương trình hành động của Tỉnh ủy.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường	2026-2027	Hội nghị/tài liệu quán triệt	Ngân sách nhà nước và các nguồn hợp pháp khác
2	Đưa nội dung giáo dục về biển, đảo, chủ quyền quốc gia, phát triển bền vững kinh tế biển vào công tác tuyên truyền, giáo dục chính trị.	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; các cơ quan, đơn vị liên quan	Thường xuyên	Nội dung/chương trình giáo dục, tuyên truyền	Ngân sách nhà nước và các nguồn hợp pháp khác
3	Phát động phong trào thi đua thực hiện Nghị quyết.	Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh	Các cơ quan, đơn vị, địa phương	Thường xuyên	Phong trào thi đua, hoạt động tuyên truyền	Nguồn kinh phí hợp pháp theo quy định
II	Hoàn thiện cơ chế, chính sách					
4	Rà soát các cơ chế, chính sách phát triển kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn.	Các sở, ban, ngành theo lĩnh vực quản lý	Sở Tài chính; các cơ quan, đơn vị, địa phương	2026-2027	Báo cáo rà soát/đề xuất cơ chế, chính sách	Theo nhiệm vụ được giao
5	Rà soát các quy hoạch, chương trình, đề án bảo đảm phù hợp Nghị quyết số 20-NQ/TW.	Các sở, ban, ngành theo lĩnh vực quản lý	Sở Tài chính; các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường	2026-2027	Báo cáo rà soát, đề xuất điều chỉnh	Theo nhiệm vụ được giao
6	Xây dựng cơ chế huy động nguồn lực xã hội cho bảo vệ môi trường và phát triển bền vững.	Sở Tài chính	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường	2026-2027	Phương án/đề xuất huy động nguồn lực	Ngân sách nhà nước và các nguồn hợp pháp khác
III	Quản lý tài nguyên, môi trường, rừng, nguồn nước					
7	Hoàn thành Đề án hoàn thiện cơ sở dữ liệu đất đai trên địa bàn tỉnh.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Khoa học và Công nghệ; UBND các xã, phường	2026-2027	Cơ sở dữ liệu đất đai	Ngân sách nhà nước và các nguồn hợp pháp khác
8	Hoàn thiện cơ sở dữ liệu tài nguyên nước.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Khoa học và Công nghệ; UBND các xã, phường	2030	Cơ sở dữ liệu tài nguyên nước	Ngân sách nhà nước và các nguồn hợp pháp khác

9	Tăng cường bảo vệ, giám sát chất lượng nguồn nước và kiểm soát nguồn thải tại các lưu vực sông Lô, sông Gâm, sông Chảy, sông Nho Quế, sông Miện, sông Con, sông Phó Đáy và các hồ chứa thủy điện, thủy lợi lớn trên địa bàn tỉnh.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Công an tỉnh; UBND các xã, phường; các cơ quan liên quan	Thường xuyên	Kế hoạch/báo cáo giám sát, kiểm soát	Ngân sách nhà nước và các nguồn hợp pháp khác
10	Nâng cao hiệu quả quản lý khoáng sản gắn với bảo vệ môi trường.	Sở Công Thương	Sở Nông nghiệp và Môi trường; Công an tỉnh; UBND các xã, phường	Thường xuyên	Kế hoạch/báo cáo quản lý địa chất, khoáng sản	Ngân sách nhà nước và các nguồn hợp pháp khác
11	Hoàn thiện hệ thống quan trắc môi trường.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Khoa học và Công nghệ; các cơ quan, địa phương liên quan	2026-2030	Hệ thống quan trắc môi trường	Ngân sách nhà nước và các nguồn hợp pháp khác
12	Kiểm soát ô nhiễm môi trường lưu vực sông.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	UBND các xã, phường; các cơ quan liên quan	Thường xuyên	Kế hoạch/báo cáo kiểm soát ô nhiễm	Ngân sách nhà nước và các nguồn hợp pháp khác
IV	Phát triển kinh tế xanh					
13	Chuyển đổi tổ chức sản xuất nông nghiệp từ dân trại sang phát triển vùng sản xuất, vùng nguyên liệu tập trung gắn với hành lang kinh tế, chuỗi liên kết.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	UBND các xã, phường; doanh nghiệp, hợp tác xã	2026-2030	Chương trình/đề án/mô hình sản xuất	Ngân sách nhà nước và các nguồn hợp pháp khác
14	Đổi mới quản trị sản xuất nông nghiệp theo mục tiêu sản phẩm, tiêu chuẩn, chất lượng, truy xuất nguồn gốc và nhu cầu thị trường.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	UBND các xã, phường; doanh nghiệp, hợp tác xã	2026-2030	Vùng nguyên liệu/kế hoạch phát triển	Ngân sách nhà nước và các nguồn hợp pháp khác
15	Mở rộng diện tích rừng được cấp chứng chỉ FSC hoặc tương đương.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các chủ rừng; UBND các xã, phường	2026-2030	Diện tích rừng được cấp chứng chỉ	Ngân sách nhà nước và các nguồn hợp pháp khác
16	Chuẩn bị các điều kiện tham gia thị trường các-bon rừng: kiểm kê, số hóa tài nguyên rừng, xây dựng dữ liệu, nâng cao năng lực chuyên môn và triển khai theo quy định của Trung ương.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Tài chính; các cơ quan, đơn vị liên quan	2026-2030	Chương trình/kế hoạch triển khai thị trường các-bon	Ngân sách nhà nước và các nguồn hợp pháp khác
17	Phát triển năng lượng sinh khối.	Sở Công Thương	Sở Nông nghiệp và Môi trường; các cơ quan, địa phương liên quan	2026-2030	Chương trình/dự án phát triển năng lượng sinh khối	Ngân sách nhà nước và các nguồn hợp pháp khác

V Khoa học công nghệ và chuyển đổi số						
18	Hoàn thiện cơ sở dữ liệu ngành nông nghiệp và môi trường.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Công Thương; các cơ quan liên quan	2026-2030	Cơ sở dữ liệu chuyên ngành	Ngân sách nhà nước và các nguồn hợp pháp khác
19	Ứng dụng GIS, AI, viễn thám trong quản lý tài nguyên.	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Nông nghiệp và Môi trường; Sở Công Thương; các cơ quan, địa phương liên quan	2026-2030	Ứng dụng/nền tảng GIS, AI, viễn thám	Ngân sách nhà nước và các nguồn hợp pháp khác
20	Ứng dụng công nghệ số trong quản lý rừng.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Khoa học và Công nghệ; các chủ rừng	2026-2030	Hệ thống/ứng dụng quản lý rừng số	Ngân sách nhà nước và các nguồn hợp pháp khác
VI Hạ tầng và liên kết vùng						
21	Phát triển logistics.	Sở Công Thương	Sở Tài chính; Sở Nông nghiệp và Môi trường; các địa phương	2026-2030	Chương trình/kế hoạch/dự án logistics	Ngân sách nhà nước và các nguồn hợp pháp khác
22	Xây dựng, phát triển chuỗi liên kết sản xuất - chế biến - logistics - tiêu thụ nông, lâm sản giữa Tuyên Quang với các tỉnh trong vùng và các địa phương ven biển.	Sở Công Thương	Sở Nông nghiệp và Môi trường; các sở, ngành, địa phương liên quan	Thường xuyên	Chương trình/kế hoạch liên kết, tiêu thụ sản phẩm	Ngân sách nhà nước và các nguồn hợp pháp khác
23	Phát triển chế biến sâu đối với các sản phẩm nông, lâm nghiệp chủ lực, nâng tỷ trọng sản phẩm chế biến và giá trị gia tăng.	Sở Tài chính	Sở Công Thương; Sở Nông nghiệp và Môi trường; các cơ quan liên quan	2026-2030	Danh mục/dự án thu hút đầu tư	Ngân sách nhà nước và các nguồn hợp pháp khác
24	Phát triển hạ tầng số phục vụ chuyển đổi số.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường	2026-2030	Hạ tầng/nền tảng số	Ngân sách nhà nước và các nguồn hợp pháp khác
VII Quốc phòng, an ninh và đối ngoại						
25	Nâng cao năng lực ứng phó thiên tai.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh; Công an tỉnh; UBND các xã, phường; các cơ quan liên quan	Thường xuyên	Phương án/kế hoạch ứng phó thiên tai	Ngân sách nhà nước và các nguồn hợp pháp khác
26	Bảo đảm an ninh nguồn nước.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Công an tỉnh; UBND các xã, phường; các cơ quan liên quan	Thường xuyên	Kế hoạch/báo cáo bảo đảm an ninh nguồn nước	Ngân sách nhà nước và các nguồn hợp pháp khác

27	Đẩy mạnh hợp tác quốc tế về bảo vệ môi trường.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Ngoại vụ và các cơ quan liên quan	2026-2030	Chương trình/hoạt động hợp tác	Ngân sách nhà nước và các nguồn hợp pháp khác
VIII	Tổ chức thực hiện					
28	Xây dựng bộ chỉ tiêu, tiêu chí đánh giá phát triển quốc gia biển mạnh làm căn cứ đánh giá kết quả lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện của cấp ủy, chính quyền và người đứng đầu các cấp.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường	2026-2030	Bộ chỉ tiêu/tiêu chí hoặc báo cáo đề xuất	Theo nhiệm vụ được giao
29	Tăng cường giám sát, kiểm tra, thanh tra các hoạt động, lĩnh vực nhạy cảm, dễ phát sinh vi phạm; kiên quyết xử lý nghiêm các vi phạm.	Các sở, ngành theo chức năng, nhiệm vụ	Công an tỉnh; UBND các xã, phường	2026-2030	Kế hoạch/kết luận/báo cáo kiểm tra, thanh tra	Theo nhiệm vụ được giao
30	Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát của Đảng trong thực hiện các chủ trương, đường lối của Đảng về xây dựng và phát triển quốc gia biển mạnh.	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường	Các cơ quan, đơn vị liên quan	2026-2030	Báo cáo/kết quả kiểm tra, giám sát	Theo nhiệm vụ được giao
31	Theo dõi, kiểm tra, đôn đốc, sơ kết, tổng kết và định kỳ báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh kết quả thực hiện.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường	Hàng năm	Báo cáo định kỳ, sơ kết, tổng kết	Theo nhiệm vụ được giao